

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

- Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
The State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Vietnam Stock Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
Hochiminh Stock Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
Name of organization: Ho Chi Minh City Securities Corporation

- Mã chứng khoán: HCM
Securities code: HCM
- Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12 Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, P. Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Address: Level 2, 5, 6, 7, 11 & 12, AB Tower, 76A Le Lai Str., Ben Thanh Ward, Dist.1, Ho Chi Minh City
- Điện thoại: (+84 8) 3823 3299
Telephone: (+84 8) 3823 3299
- Fax: (+84 8) 3823 3301
Fax: (+84 8) 3823 3301
- Email: cbtt@hsc.com.vn
Email: cbtt@hsc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố: Điều lệ Công ty và các Quy chế
Contents of disclosure: The Company's Charter and the Regulations

Ngày 08/08/2022, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HSC) đã họp và thông qua việc sửa đổi, bổ sung và thay thế toàn văn các văn bản sau:

On 08 August 2022, the Annual General Meeting's Shareholders for the fiscal year 2021 of Ho Chi Minh City Securities Corporation (HSC) approved to amend and replace entirely the following documents:

1. Điều lệ Công ty
The Company's Charter

2. Quy chế nội bộ về quản trị công ty
The Internal Regulations on Corporate Governance
 3. Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị
The Regulations on Operations of the Board of Directors
 4. Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát
The Regulations on Operations of the Board of Supervisors.
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 09/08/2022 tại đường dẫn <https://www.hsc.com.vn/cong-bo-thong-tin>
This information was published on the company's website on 09 August 2022, as in the link <https://www.hsc.com.vn/en/information-disclosure>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.
We hereby certify that the information provided is true and correct; we bear the full responsible to the law.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ORGANIZATION REPRESENTATIVE
Người được ủy quyền công bố thông tin
Person authorized to disclose information



Lê Anh Quân
Giám đốc Điều hành Phát triển Quan hệ hợp tác
Chief Partnership Officer

Tài liệu đính kèm

Attached documents

- Điều lệ Công ty;
The Company's Charter;
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
The Internal Regulations on Corporate Governance;
- Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị;
The Regulations on Operations of the Board of Directors;
- Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;
The Regulations on Operations of the Board of Supervisors;

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	5
QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	5
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát	5
CHƯƠNG II	5
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	5
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát	5
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát	6
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát	6
Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát	6
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát	6
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	7
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	8
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	9
CHƯƠNG III	9
BAN KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát	9
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	11
Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập bất thường Đại hội đồng Cổ đông	11
CHƯƠNG IV	12
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	12
Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát	12
Điều 15. Biên bản họp Ban Kiểm soát	12
CHƯƠNG V	13
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	13
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm	13
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác	13
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	14
CHƯƠNG V	15
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	15

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát	15
Điều 20. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc và ban điều hành.....	15
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	15
CHƯƠNG VI.....	15
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	15
Điều 22. Hiệu lực thi hành.....	15

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và được sửa đổi, bổ sung ngày 11/01/2022;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là “Công ty”);
- Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty số 01/2022/NQ-ĐHDĐ ngày 08/08/2022 phê duyệt Quy chế Hoạt động Ban Kiểm soát của Công ty;
- Ban Kiểm soát ban hành Quy chế Hoạt động Ban Kiểm soát của Công ty (sau đây gọi là “Quy chế này”), bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan. Những nội dung không được quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế Nội bộ Quản trị Công ty. Các thuật ngữ viết hoa trong Quy chế này có nghĩa được quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có từ (03) đến (05) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Đại hội đồng Cổ đông quyết định số lượng thành viên của Ban Kiểm soát trong mỗi nhiệm kỳ.
2. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát

1. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.
3. Không phải là Người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác.
4. Không phải là Người quản lý của Công ty và không nhất thiết phải là Cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
5. Không được đang làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.
6. Không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.
2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định như sau:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
 - e. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ năm mươi phần trăm (50%) trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát.
2. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng Cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này, Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế này. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu Kiểm soát viên thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Điều 41 của Điều lệ Công ty, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Tuy nhiên, Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp chỉ được bầu tối đa Kiểm soát viên mà Công ty yêu cầu trên tổng số ứng cử viên Ban Kiểm soát
2. Phiếu bầu cử Kiểm soát viên được Ban Tổ chức Đại hội in sẵn với danh sách các ứng viên sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt và được đóng dấu Công ty. Phiếu bầu

cử có ghi tên cổ đông, số đăng ký sở hữu, mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu, số cổ phần được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, số phiếu bầu đã được nhân tương ứng với số thành viên được bầu vào Ban Kiểm soát.

3. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một trong các trường hợp như sau:
 - a. Phiếu bầu cử không phải do Ban tổ chức Đại hội phát ra;
 - b. Phiếu bầu cử bị rách, gach, tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
 - c. Phiếu bầu cử ghi thêm tên ứng cử viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
 - d. Phiếu bầu cử ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu;
 - e. Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó được quyền bầu;
 - f. Phiếu bầu cử nộp cho Ban Kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu đã được niêm phong.
4. Căn cứ vào số lượng Kiểm soát viên được yêu cầu bầu, người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số Kiểm soát viên.
5. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu ngang nhau cho vị trí thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì Đại hội đồng Cổ đông sẽ tiến hành lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử do Đại hội đồng Cổ đông ấn định trước đó hoặc sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng Cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 5 Quy chế này;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận.
2. Đại hội đồng Cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế này;

- d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng Cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban Kiểm soát của Công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Ban Kiểm phải được công bố thông tin theo quy định Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên; rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần trở lên theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty.
6. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định trách nhiệm người quản lý doanh nghiệp theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của Cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông.
14. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
15. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định của Pháp luật.
16. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
17. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

18. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ Pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác.
19. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Cổ đông.
20. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm Pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho UBCK trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm.
21. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
22. Chứng kiến Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng Quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
23. Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
24. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế này.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của Người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập bất thường Đại

hội đồng Cổ đông

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật;
 - b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ (5%) số cổ phần phổ thông trở lên yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
 - c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện;
 - d. Các trường hợp khác theo Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.
2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Trường Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty, đồng thời cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều này có quyền triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát.
2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban Kiểm soát

Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG IV

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.
3. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các Cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Tổng mức thù lao, lương, thưởng và quyền lợi khác của Ban Kiểm soát được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên và được liệt kê đầy đủ trong Thuyết minh báo cáo tài chính được kiểm toán hằng năm. Thù lao và các khoản lợi ích khác

cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán cho Ban Kiểm soát và từng Kiểm soát viên được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty và Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên.
3. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban Kiểm soát. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác.
4. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.
5. Việc mua bảo hiểm trách nhiệm quản lý không nhằm mục đích mang lại lợi ích vật chất hay thu nhập cho thành viên Ban Kiểm soát do Hội đồng Quản trị quyết định theo Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty. Việc mua các loại bảo hiểm khác cho thành viên Ban Kiểm soát phải được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản

trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban Kiểm soát hoặc với những người có liên quan của của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG V

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát

1. Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc và ban điều hành

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Tổng Giám đốc và Người điều hành khác của Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Người điều hành khác.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng Quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm 6 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 08 năm 2022.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN 



PHẠM NGHIÊM XUÂN BÁC

Ho Chi Minh Securities Corporation



**REGULATIONS ON OPERATIONS
OF THE BOARD OF SUPERVISION**

TABLE OF CONTENTS

CHAPTER I	5
GENERAL PROVISIONS	5
Article 1. Governing scope and subjects of application	5
Article 2. Operating principles of the Board of Supervision	5
CHAPTER II	5
MEMBER OF THE BOARD OF SUPERVISION (SUPERVISOR)	5
Article 3. Rights, obligations and responsibilities of members of the Board of Supervision	5
Article 4. Term of office and number of members of the Board of Supervision	6
Article 5. Criteria and conditions for members of the Board of Supervision	6
Article 6. Head of the Board of Supervision	7
Article 7. Nomination and candidacy for members of the Board of Supervision	7
Article 8. Method of election, removal and dismissal of members of the Board of Supervision	8
Article 9. Cases of removal, dismissal of members of the Board of Supervision	9
Article 10. Notification on election, removal and dismissal of members of the Board of Supervision	9
CHAPTER III	10
BOARD OF SUPERVISION	10
Article 11. Rights and obligations of the Board of Supervision	10
Article 12. Rights of the Board of Supervision to be provided with information	12
Article 13. Responsibility of the Board of Supervision in convening extraordinary meetings of the General Assembly of Shareholders	13
CHAPTER IV	13
MEETING OF THE BOARD OF SUPERVISION	13
Article 14. Meeting of the Board of Supervision	13
Article 15. Meeting minutes of the Board of Supervision	14
CHAPTER IV	14
REPORTING AND PUBLIC DISCLOSURE OF INTERESTS	14
Article 16. Submission of annual reports	14

Article 17. Salary and other benefits	15
Article 18. Public disclosure of related interests	15
CHAPTER V	16
RELATIONSHIPS OF THE BOARD OF SUPERVISION	16
Article 19. Relationship among members of the Board of Supervision	16
Article 20. Relationship with the Chief Executive and the executive board	16
Article 21. Relationship with the Board of Directors	17
CHAPTER VI	17
IMPLEMENTATION	17
Article 22. Effectiveness	17

LEGAL BASIS

- Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on 17 June 2020 and amended, supplemented on 11 January 2022;
- Law on Securities No. 54/2019/QH14 adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on 26 November 2019;
- Decree No. 155/2020/ND-CP promulgated by the Government on 31 December 2020 detailing the implementation of a number of articles of Law on Securities;
- Circular No. 121/2020/TT-BTC promulgated by the Ministry of Finance on 31 December 2020 regulating the operations of securities companies;
- Circular No. 116/2020/TT-BTC dated 31 December 2020 of the Minister of Ministry of Finance guiding a number of articles on corporate governance applicable to public companies under the Government's Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020 detailing the implementation of a number of articles of Law on Securities;
- Charter of Ho Chi Minh City Securities Corporation (hereafter referred to as "Company");
- Resolution No. 01/2022/NQ-DHDCD dated 08 August 2022 of the General Assembly of Shareholders approving the Regulations on Operations of the Board of Supervision of the Company;
- The Board of Supervision promulgates the Regulations on Operations of the Board of Supervision of the Company (hereinafter referred to as "this Regulation"), including the following contents:

CHAPTER I
GENERAL PROVISIONS

Article 1. Governing scope and subjects of application

1. Governing scope: the Regulations on Operations of the Board of Supervision regulate the personnel organizational structure, standards, conditions, rights and obligations of the Board of Supervision and members of the Board of Supervision in accordance with the Law on Enterprises, the Company's Charter and other relevant regulations. Matters that are not provided in this Regulation shall be subject to the Company's Charter and the Internal Regulations on Corporate Governance. Capitalized terms in this Regulation shall have the meanings set forth in the Company's Charter.
2. Subjects of application: the Regulations on Operations of the Board of Supervision shall be applicable to the Board of Supervision and members of the Board of Supervision.

Article 2. Operational principles of the Board of Supervision

The Board of Supervision shall work according to collective principle. Members of the Board of Supervision shall be individually responsible for their own assigned tasks and jointly responsible before the General Assembly of Shareholders, the applicable laws for the works, decisions of the Board of Supervision.

CHAPTER II
MEMBER OF THE BOARD OF SUPERVISION (SUPERVISOR)

Article 3. Rights, obligations and responsibilities of members of the Board of Supervision

1. To strictly comply with the laws, the Company's Charter, resolutions of the General Assembly of Shareholders and professional ethics in exercising the assigned rights and performing the assigned obligations.
2. To exercise the assigned rights and perform the assigned obligations in an honest, prudent and best manner in order to ensure the maximum lawful interests of the Company.
3. To be loyal to the interests of the Company and shareholders; not to abuse their positions, posts and use business information, know-how, opportunities, other assets of the Company for personal benefits or for the benefits of other organizations, individuals.
4. Other obligations provided by the Law on Enterprises and the Company's Charter.
5. If violating clauses 1, 2, 3 and 4 this Article, which causes damage to the Company

or other persons, members of the Board of Supervision shall be individually or jointly liable for compensating for such damage. Incomes and other benefits which members of the Board of Supervision have earned from such violations shall be returned to the Company.

6. If it is discovered that any member of the Board of Supervision commits a violation during the exercise of the assigned rights and performance of the assigned obligations, a written notice thereof must be sent to the Board of Supervision, requesting the violating person to stop his/her violation and take remedial measures.

Article 4. Term of office and number of members of the Board of Supervision

1. The Board of Supervision shall comprise three (03) to five (05) members, the term of office of members of the Board of Supervision shall be five (05) years and members may be re-elected for an unlimited number of terms. The General Assembly of Shareholders shall decide on the specific number of members of the Board of Supervision in each term.
2. Members of the Board of Supervision are not required to be the Company's shareholders.
3. The Board of Supervision must have more than half of members permanently residing in Vietnam
4. In case all members of the Board of Supervision have their terms ended at the same time but members of the Board of Supervision for the new term have not been elected, those members of the Board of Supervision whose term has ended shall continue to exercise their rights and perform their obligations until members of the Board of Supervision for the new term are elected and take over their duties.

Article 5. Standards and conditions for members of the Board of Supervision

1. Not falling within the categories of entities who are not permitted to manage enterprises in Vietnam pursuant to the Laws on Enterprises.
2. Having been trained in one of the following majors: economics, finance, accounting, auditing, law, business administration or another major relevant to the business activities of the Company.
3. Not being Persons with Family Relationship of members of the Board of Directors, the Chief Executive Officer and other Managers.
4. Not being Managers of the Company and not required to be a Shareholder or an employee of the Company.
5. Not currently working in the accountant, financial department of the Company.
6. Not being members or employees of the independent audit company which has audited the financial statements of the Company for 03 preceding consecutive years.

Article 6. Head of the Board of Supervision

1. The Head of the Board of Supervision must have a bachelor's degree or higher in one of the following majors: economics, finance, accounting, auditing, law, business administration or another major relevant to the enterprise's business operations. The Head of the Board of Supervision shall not concurrently be a member of the Board of Supervision or a manager of another securities company.
2. The Head of the Board of Supervision shall be elected by the Board of Supervision among its members; the election, removal, dismissal shall be implemented on the principle of majority.
3. Rights and obligations of the Head of the Board of Supervision shall be as provided in the Company's Charter and the Internal Regulations on Corporate Governance.

Article 7. Nomination, candidacy for members of the Board of Supervision

1. The nomination, candidacy for members of the Board of Supervision shall be implemented in accordance with the following provisions:
 - a. A Shareholder or a group of Shareholders holding ten percent (10%) to less than twenty percent (20%) of the total number of voting shares may nominate up to one (01) candidate to the Board of Supervision.
 - b. A Shareholder or a group of Shareholders holding twenty percent (20%) to less than thirty percent (30%) of the total number of voting shares may nominate up to two (02) candidates to the Board of Supervision.
 - c. A Shareholder or a group of Shareholders holding thirty percent (30%) to less than forty percent (40%) of the total number of voting shares may nominate up to three (03) candidates to the Board of Supervision.
 - d. A Shareholder or a group of Shareholders holding forty percent (40%) to less than fifty percent (50%) of the total number of voting shares may nominate up to four (04) candidates to the Board of Supervision.
 - e. A Shareholder or a group of Shareholders holding fifty percent (50%) of the total number of voting shares may nominate up to five (05) candidates to the Board of Supervision.
2. The nomination for members of the Board of Supervision shall be implemented as follows:
 - a. Ordinary shareholders forming a group to nominate candidates to the Board of Supervision shall notify such group formation to the attending shareholders before the opening of the meeting of the General Assembly of Shareholders;
 - b. Based on the number of members of the Board of Supervision, the shareholder or group of shareholders as provided in clause 1 this Article may nominate one or more candidates to the Board of Supervision as decided by the General

Assembly of Shareholders.

3. In case the number of candidates for the Board of Supervision through nomination and candidacy remain less than the required number as provided in clause 1 Article 4 of this Regulation, the incumbent Board of Supervision shall nominate additional candidates or organize the nomination in accordance with the Company's Charter, the Internal Regulations on Corporate Governance and this Regulation. The nomination of additional candidates by the incumbent Board of Supervision must be clearly announced before the General Assembly of Shareholders votes to elect members of the Board of Supervision pursuant to the laws.

Article 8. Method of election, removal, dismissal of members of the Board of Supervision

1. Voting to elect members of the Board of Supervision must be carried out by cumulative voting as provided in Article 41 of the Company's Charter, whereby each Shareholder shall have the total number of votes corresponding to the total number of shares owned multiplied by the number of members of the Board of Supervision to be elected, and such Shareholder may cumulate all or a part of its total votes in favour of one or more candidates. However, a Shareholder or a person authorized to attend the meeting may only elect the maximum number of Supervisors requested by the Company among the total number of candidates for the Board of Supervision.
2. Ballots for election of Supervisors shall be made available by the Organization Team of the meeting in printed form with the list of candidates arranged in Vietnamese alphabetical order and affixed with the seal of the Company. Each ballot shall clearly state name of the shareholder, ownership registration number, shareholder code, number of shares owned, number of authorized shares, total number of voting shares, total number of votes having been correspondingly multiplied by the number of candidates to be elected to the Board of Supervision.
3. An invalid ballot shall be that falling within the following cases:
 - a. The ballot which is not issued by the Organizing Team of the meeting;
 - b. The ballot which is torn, crossed-out, erased or modified;
 - c. The ballot in which name of any candidate who is not in the list of candidates as approved by the General Assembly of Shareholders before voting is added;
 - d. The ballot in which any other information, symbol is added;
 - e. The ballot which has total number of votes for the candidates exceeding the total number of votes entitled by such shareholder;
 - f. The ballot which is submitted to the Vote Counting Committee after the voting closes and the voting box has been sealed.
4. Based on the number of Supervisors required to be voted on, the persons who are successfully elected as Supervisors shall be determined by the number of votes from

the highest to the lowest, starting from the candidate receiving the highest number of votes until the full number of Supervisors have been reached.

5. In case two (02) or more candidates receive the same number of votes for the last member of the Board of Supervision, the General Assembly of Shareholders shall conduct a selection according to criteria of voting regulations previously imposed by the General Assembly of Shareholders or conduct a re-election among such candidates receiving the same number of votes.

Article 9. Cases of removal, dismissal of members of the Board of Supervision

1. The General Assembly of Shareholders shall remove members of the Board of Supervision in the following cases:
 - a. No longer satisfying the standards and conditions for being a member of the Board of Supervision as provided in Article 5 of this Regulation;
 - b. Such member resigning by sending a written notice to the head office of the Company, which is approved.
2. The General Assembly of Shareholders Members shall dismiss members of the Board of Supervision in the following cases:
 - a. Failure to fulfil their assigned duties, works;
 - b. Failure to exercise their rights and perform their obligations for 06 consecutive months, except for cases of force majeure;
 - c. Committing repeated violations, committing serious violations of the obligations of members of the Board of Supervision as provided by the Laws, the Company's Charter, the Internal Regulations on Corporate Governance and this Regulation;
 - d. Other cases pursuant to resolutions of the General Assembly of Shareholders.

Article 10. Notification of election, removal, dismissal of members of the Board of Supervision

1. In case the the candidates for the Board of Supervision have been identified, the Company must disclose information related to the candidates at least 10 days before the opening date of the meeting of the General Assembly of Shareholders on the Company's website so that Shareholders may learn about these candidates before voting. Candidates for Board of Supervision must have a written commitment regarding the truthfulness and accuracy of the personal information disclosed and must commit to perform their duties in an honest and prudent manner and for the best interests of the Company if being elected as member of the Board of Supervision. Information related to candidates for the Board of Supervision to be published shall include:
 - a. Full name, date of birth;
 - b. Qualifications;

-
- e. Work experience;
 - d. Other management titles (including titles in the Board of Supervision of other companies);
 - e. Interests related to the Company and related parties of the Company.

The Company shall be responsible for disclosing information about companies in which the candidates are holding managerial positions and other interests related to the Company of the candidates for the Board of Supervision (if any).

- 2. The appointment, removal, dismissal, replacement of members of the Board of Supervision must be disclosed in accordance with the Laws on information disclosure on the stock market.

CHAPTER III

BOARD OF SUPERVISION

Article 11. Rights and obligations of the Board of Supervision

- 1. The Board of Supervision shall supervise the Board of Directors, the Chief Executive Officer in the management and operation of the Company.
- 2. To inspect the reasonableness, legality, truthfulness and prudence in the management, operation of business activities, in organization of accounting and statistical work, and in preparation of financial statements.
- 3. To appraise the completeness, legality and truthfulness of the Company's business reports, annual and semi-annual financial statements, reports on evaluation of the management work of the Board of Directors, and to submit appraisal reports at the annual meetings of the General Assembly of Shareholders; to review contracts, transactions with Related Persons which fall within the approval power of the Board of Directors or of the General Assembly of Shareholders and to make recommendations regarding contracts, transactions requiring approval of the Board of Directors or the General Assembly of Shareholders.
- 4. To review, inspect and evaluate the effect and efficiency of internal control, internal audit, risk management and early warning systems of the Company.
- 5. To review accounting books, accounting entries and other documents of the Company, the management and operation of the Company's activities if deemed necessary or pursuant to a resolution of the General Assembly of Shareholders or requested by a Shareholder or a group of Shareholders holding 05% or more of total shares as provided in Article 17 of the Company's Charter.
- 6. At the request of a Shareholder or a group of Shareholders as provided in Article 17 of the Company's Charter, the Board of Supervision shall carry out an inspection within seven (07) working days from receiving the request. Within 15 days from

completing the inspection, the Board of Supervision must submit a report on the issues requested for inspection to the Board of Directors and the Shareholder or group of Shareholders making the request. The inspection by the Board of Supervision provided in this clause must neither disrupt the normal operation of the Board of Directors, nor interrupt the operation of the Company's business activities.

7. To propose the Board of Directors or the General Assembly of Shareholders measures to modify, supplement, improve the organizational structure for the management, supervision and operation of the business activities of the Company.
8. When discovering that a member of the Board of Directors or the Chief Executive Officer violates the responsibilities of Managers of enterprise pursuant to Article 165 of the Law on Enterprises, the Board of Supervision shall immediately send a written notice to the Board of Directors, requesting the violating person to stop his/her violation and take remedial measures.
9. To attend and participate in discussions at meetings of the General Assembly of Shareholders, the Board of Directors and other meetings of the Company.
10. To use independent consultants, internal audit department of the Company to perform the assigned duties.
11. The Board of Supervision may consult the Board of Directors before submitting reports, conclusions and recommendations to the General Assembly of Shareholders.
12. To inspect each specific issue regarding the management, operation of business activities of the Company at the request of the Shareholders.
13. To request the Board of Directors to convene extraordinary meetings of the General Assembly of Shareholders.
14. To request the Chairman of the Board of Directors to convene meetings of the Board of Directors.
15. To review, make extract or copy of a part or all of the declaration contents regarding the list of related persons and relevant interests which are declared pursuant to the Laws.
16. To make proposal, recommendation to the General Assembly of Shareholders for approving of the list of approved audit organizations which will audit the Company's financial statements; to decide on the approved audit organization which will audit the Company's operations, to remove or dismiss the approved auditor when deemed necessary.
17. To take responsibility before the Shareholders for its supervision operations.
18. To supervise the Company's financial situation, the compliance with the Laws by members of the Board of Directors, the Chief Executive Officer and other Managers regarding their activities.
19. To ensure the coordination of activities with the Board of Directors, the Chief

Executive Officer and Shareholders.

20. When discovering that a member of the Board of Directors, the Chief Executive Officer and other Executives of the Company violate the Laws or the Company's Charter, the Board of Supervision shall send a written notice to the Board of Directors within 48 hours, requesting the violating person to cease the violation and take remedial measures. With regards to the violations of the laws, the Board of Supervision must report in writing to the SSC within 07 working days from the date of discovery of the violation.
21. To develop the Regulations on Operations of the Board of Supervision and submit it to the General Assembly of Shareholders for approval.
22. To witness the organization of vote counting and the preparation of vote counting minutes by the Board of Directors if requested by the Board of Directors in case of collection of written opinions of shareholders for approving resolutions of the General Assembly of Shareholders.
23. The Head of the Board of Supervision shall direct the General Assembly of Shareholders to elect the meeting chairman in case the Chairman is absent or temporarily subject to loss of working ability while the remaining members of the Board of Directors fail to elect a person to act as the chairman. In this case, the person receiving highest number of votes shall act as the meeting chairman.
24. Other rights and obligations pursuant to the Laws, the Company's Charter, the Internal Regulations on Corporate Governance and this Regulation.

Article 12. Rights of the Board of Supervision to be provided with information

1. Documents and information must be sent to members of the Board of Supervision at the same time and in the same manner as that to members of the Board of Directors, which shall include:
 - a) Meeting invitation notice, form for collection of opinion of members of the Board of Directors and enclosed documents;
 - b) Resolutions, decisions and meeting minutes of the General Assembly of Shareholders, the Board of Directors;
 - c) Reports of the Chief Executive Officer submitted to the Board of Directors or other documents issued by the Company.
2. Members of the Board of Supervision may access the Company's files, documents retained at the head office, branches and other locations; enter the workplaces of Managers and employees of the Company during working hours.
3. Members of the Board of Supervision may request the Board of Directors, members of the Board of Directors, the Chief Executive Officer and other Managers to fully, accurately, promptly provide information, documents relating to the management, operation and business activities of the Company.

Article 13. Responsibility of the Board of Supervision in convening extraordinary meetings of the General Assembly of Shareholders

1. If the Board of Directors fails to convene meeting of the General Assembly of Shareholders, the Board of Supervision shall be responsible to convene meeting of the General Assembly of Shareholders within 30 days in replacement of the Board of Directors in the following cases:
 - a. The number of the remaining members of the Board of Directors or the Board of Supervision is less than the minimum number of members as required by Laws;
 - b. Upon a written request of a shareholder or a group of shareholders owning 5% or more of the ordinary shares to convene meeting of the General Assembly of Shareholders. The request to convene meeting of the General Assembly of Shareholders must be in writing and include the following contents: full name, contact address, nationality, number of legal document of individual in respect of Shareholders being individual; name, enterprise code or number of legal document of organization, head office address in respect of Shareholders being organization; number of shares owned and time of shares registration of each Shareholder, total number of shares of the whole group of Shareholders and ownership ratio in the total shares in the Company, basis and reasons to convene meeting of the General Assembly of Shareholders. Enclosed with the request to convene a meeting, there must be documents and evidences about the violations of the Board of Directors, the seriousness of the violations or the decisions beyond power.
 - c. The Board of Supervision having requested to convene an extraordinary meeting of the General Assembly of Shareholders but the Board of Directors having failed to do so;
 - d. Other cases as provided by the Company's Charter and the Laws.
2. In case the Board of Supervision fails to convene meeting of the General Assembly of Shareholders as provided, the Head of the Board of Supervision shall be liable before the laws and compensate for any damage arising to the Company, and at the same time, the shareholder or group of shareholders as provided in point b, Clause 1, this Article may convene meeting of the General Assembly of Shareholders.
3. The costs for convening and conducting meeting of the General Assembly of Shareholders as provided in clause 1 this Article shall be reimbursed by the Company.

CHAPTER IV**MEETINGS OF THE BOARD OF SUPERVISION****Article 14. Meetings of the Board of Supervision**

1. The Board of Supervision shall meet at least twice a year, each meeting must be

-
- a) Full name, enterprise code, head office address, business lines of the enterprises of which they are owner or own capital contributions or shares; ratio and time of becoming owner or time of ownership of such capital contributions or shares;
 - b) Full name, enterprise code, head office address, business lines of the companies of which their related persons are owner, jointly or privately own capital contributions or shares representing more than 10% of charter capital.
2. The declaration provided in clause 1 this Article shall be conducted within 07 working days from the date on which the related interest arises; any amendments, supplements thereto shall be notified to the Company within 07 working days from the date of the relevant amendments, supplement.
 3. Members of the Board of Supervision and related persons of members of the Board of Supervision shall only be permitted to use information obtained thanks to their positions for the benefit of the Company.
 4. Members of the Board of Supervision shall be obliged to notify in writing to the Board of Directors, the Board of Supervision about transactions between the Company, its subsidiaries, other companies of which the Company controls more than fifty percent (50%) of charter capital and members of the Board of Supervision or related persons of members of the Board of Supervision pursuant to the Laws. For such transactions subject to approval by the General Assembly of Shareholders or the Board of Directors, the Company must disclose these resolutions pursuant to the law on securities and information disclosure.
 5. Members of the Board of Supervision and related persons of those members shall not be permitted to use or disclose to other persons internal information to perform relevant transactions.

CHAPTER V

RELATIONSHIPS OF THE BOARD OF SUPERVISION

Article 19. Relationship among members of the Board of Supervision

1. Members of the Board of Supervision shall have independent relationship, not reliant on each other, but must cooperate, coordinate in respect of common works to ensure good performance of the responsibilities, rights and duties of the Board of Supervision pursuant to the laws and the Company's Charter.
2. The Head of the Board of Supervision shall be the person who coordinates common works of the Board of Supervision but shall not have the right to dominate members of the Board of Supervision.

Article 20. Relationship with the Chief Executive and the executive board

The Board of Supervision shall have an independent relationship with the Chief Executive Officer and other Executives of the Company, being the unit to perform the function of supervising activities of the Chief Executive Officer and other Executives.

Article 21. Relationship with the Board of Directors

The Board of Supervision shall have an independent relationship with the Board of Directors of the Company, being the unit to perform the function of supervising activities of the Board of Directors.

CHAPTER VI**IMPLEMENTATION PROVISION****Article 22. Implementation effectiveness**

The Regulations on Operations of the Board of Supervision of Ho Chi Minh City Securities Corporation comprise 6 chapters, 22 articles and take effect from 08 August 2022.

**FOR AND ON BEHALF OF THE BOARD OF SUPERVISION
HEAD OF THE BOARD OF SUPERVISION** 



PHAM NGHIEM XUAN BAC

